TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HSST
Ngày 12.11.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Mai Hùng.**
Các hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Công Phúc**.
+ Ông **Phan Văn Hoàng**.
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Trương Thị Sen** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thăng Bình.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông **Trần Hữu Tám** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 71/2018/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn N (Tên gọi khác: B); sinh năm:1983. Nơi ĐKNHKTT & chỗ ở: Khối phố Q, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn T, sinh năm: 1949 và bà Phùng Thị E sinh năm: 1950; Vợ: Bùi Thị Thúy H (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 13/10/2017, bị Công an Thành phố Tam Kỳ xử lý vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc"; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt

- *Bị hại:* Anh **Huỳnh L**, sinh năm 1991
Trú tại: Tổ 2, thôn Tứ Câu, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Chị Lê Thị V, sinh năm 1981.
Trú tại: Thôn1, xã T, huyện T, Quảng Nam.
2/ Anh Võ Minh V, sinh năm 1988.
Trú tại: Tổ 10, thôn T, xã B, huyện T, Quảng Nam.

(Tại phiên Tòa hôm nay có mặt bị cáo. Tất cả những người còn lại vắng mặt không có lý do)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào sáng ngày 12/3/2018, Nguyễn N (tên thường gọi là

B) điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade biển kiểm soát (BKS) 92M1 – 118.86 chở Lê Thị V (là người yêu của N) đến quán cắt tóc massage Hoàng Anh (tiệm này do V làm chủ, gọi tắt là quán Hoàng Anh) để làm nghề cắt tóc massage. Khi đến quán Hoàng Anh, V ở lại quán còn N điều khiển xe mô tô BKS 92M1 – 118.86 đi uống cà phê. Khoảng 09h50' cùng ngày, anh Huỳnh L đến quán Hoàng Anh để massage và được V massage cho anh L. Anh L cởi áo khoác ra, treo lên móc ở gần cửa lên xuống rồi vào nằm trên ghế để cho V massage, xung quanh ghế có vải màn che lại. Khi V đang massage cho anh L thì N điều khiển xe mô tô BKS 92M1 – 118.86 về lại quán Hoàng Anh. Thấy trong quán có khách nên N lẻn vào quán từ phía sau, đến vị trí anh L treo áo khoác lấy trộm áo khoác bên trong có ví da của anh L. Anh L phát hiện có người vào quán lấy áo của mình nên tri hô thì N bỏ chạy. Vừa chạy N vừa mở ví ra lục lấy tài sản làm tiền rơi ra ngoài và vứt ví da và áo khoác lại, rồi nhặt tiền bỏ chạy. Anh L đuổi theo nhưng không kịp, thấy N vứt ví lại nên anh L nhặt ví lên kiểm tra thì phát hiện số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) được để trong ví đã bị mất. Anh L quay lại quán Hoàng Anh thì thấy phía trước quán có xe máy Air Blade BKS 92M1 – 118.86 (lúc anh L đến thì trong quán không thấy xe này) vẫn còn cắm chìa khóa trên xe nên anh L giữ lấy chìa khóa xe và điện báo Công an huyện T.

Nhận được tin báo, tổ công tác Công an huyện T đến hiện trường lập biên bản tạm giữ xe máy Air Blade biển số 92M1 – 118.86 và mời anh L, Lê Thị V về trụ sở làm việc.

Đến 13h00 ngày 12/3/2018, Lê Thị V nhắn tin cho Nguyễn N nói N trả tiền lại cho anh L. Nguyễn N đã nhờ anh Võ Minh V đưa đến cầu Hương An, huyện Quế Sơn với mục đích mang số tiền trộm được trả lại anh L. Khi anh V điều khiển xe Exciter biển số 43K1 – 195.50 đưa N đến cầu Hương An, thì N không trực tiếp đến trả mà nhờ anh V mang số tiền 2.730.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) đến gặp anh L để giao tiền. Lúc anh V giao số tiền trên cho anh L thì bị Công an huyện T mời về làm việc. Thấy Công an nên N bỏ trốn.

Ngày 08/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Thông báo truy tìm số 05/TB-CSĐT để truy tìm đối tượng Nguyễn N. Đến ngày 14/5/2018 Nguyễn N đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình vào ngày 12/3/2018.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 21 tháng 09 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Nguyễn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên Tòa hôm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sữa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Nguyễn N từ 06 đến 09 tháng tù giam.Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong đề nghị HĐXX không xét. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tuyên trả cho Lê Thị V 01 điện thoại màu đen, vỏ màu đỏ nhãn hiệu FPT có 02 số sim là 01287692234 và 01672400793.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn N đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 10h00’ ngày 12/3/2018 khi bị cáo đến quán cắt tóc massage Hoàng Anh (quán này do Lê Thị V bạn gái của bị cáo thuê làm) thì thấy V đang masage cho khách, bị cáo N lẻn vào nhà bằng cửa sau đến vị trí của khách treo áo khoác lấy trộm áo khoác bên trong có ví da. Lúc đó, vị khách phát hiện có người vào quán lấy áo của mình nên tri hô thì bị cáo bỏ chạy. Vừa chạy bị cáo N vừa mở ví ra lục lấy tài sản làm tiền rơi ra ngoài, vứt ví da và áo khoác lại, rồi nhặt tiền bỏ chạy.

Lời khai nhận tội của bị cáo N đối chiếu thấy phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của Nguyễn N là nguy hiểm cho xã hội nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò trách nhiệm của bị cáo trong vụ án thì thấy:

Quyền sở hữu hợp pháp của công dân đối với tài sản luôn được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác điều bị pháp luật trừng trị. Hiện nay, hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện ngày càng diễn biến phức tạp, đối tượng phạm tội trộm cắp tài sản đa số là thanh thiếu niên. Trong vụ án này bị cáo là là thanh niên khỏe mạnh, có sức khỏe, thế nhưng bị cáo không chịu làm ăn lương thiện bằng sức lao động của mình mà lại chọn cách thỏa mãn nhu cầu tiền bạc bằng con đường phạm tội. Hành vi mà bị cáo thực hiện tưởng chừng đơn giản nhưng xét về mặt xã hội lại rất nguy hiểm, gây ra một hệ lụy không nhỏ cho tầng lớp thanh thiếu niên, cổ súy mạnh mẽ cho lối sống ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ nhưng không bằng chính mồ hôi, sức lao động của mình. Bị cáo lợi dụng sự lơ đãng là của chủ sở hữu tài sản để trong ví treo trên móc áo và bị che khuất bởi người làm massge, nên bị cáo lén vào lấy trộm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã

trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây tư tưởng hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét c¸c t×nh tiÕt t¨ng nÆng, gi¶m nhÑ tr¸ch nhiÖm h×nh sù vµ nh©n th©n của bị cáo thì thấy:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình, bị cáo đã rất ăn năn, hối cải về hành vi sai trái trên. Giá trị tài sản phạm tôi không lớn, bản thân bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui đinh tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Bị cáo Nguyễn N có nhân thân xấu, trước đây vào ngày 12.05.2005 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Bàn xử phạt 18 tháng tù giam về tội " Trộm cắp tài sản", nhưng đã được xóa án tích. Ngày 13/10/2017, bị Công an Thành phố Tam Kỳ xử lý vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc". Bị cáo hiện nay đang bị Công an thành phố Tam Kỳ khởi tố trong vụ án đánh bạc . Như vậy, thấy rằng cần phải xử phạt mức án nghiêm đối với bị cáo Nhẹ để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ: 2.730.000 (Hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng);- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter BKS 43K1 – 195.50;- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade BKS 92M1 – 118.86; Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại số tiền 2.730.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) cho anh Huỳnh L, 01 (Một) xe mô tô BKS 92M1 – 118.86 cho chị Lê Thị H, 01 (Một) xe mô tô BKS 43K1 – 195.50 cho anh Võ Minh V theo quy định của pháp luật. Đối với 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu đen viền đỏ, nhãn hiệu FPT, có gắn 02 (Hai) thẻ sim gồm: 01287.692.243 và 01672.400.793 của Lê Thị V cần tuyên trả lại cho chị V khi án có hiệu lực pháp lực.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[7] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Qua quá trình xem xét, nghiên cứu hồ sơ cũng như thẩm vấn công khai tại phiên Tòa, bản thân Thẩm phán trực tiếp giải quyết vụ án thấy còn bỏ lọt hành vi phạm tội của Lê Thị V với vai trò đồng phạm cùng bị cáo. Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện T đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T điều tra, bổ sung làm rõ việc đồng phạm của V, nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình vẫn không tiến hành điều tra bổ sung. Do giới hạn của việc xét xử theo quy định tại Điều 298 BLTTHS

2015 HĐXX không thể xử lý hành vi của Lê Thị V. Vì vậy, bằng văn bản này kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng rút hồ sơ lên để xem xét và làm rõ hành vi đồng phạm của Lê Thị V để có hướng xử lý theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn N** (tên gọi khác B) phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) .Xử phạt: Bị cáo Nguyễn N 09 (Chín) tháng tù giam. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tuyên trả cho Lê Thị V 01 điện thoại màu đen, vỏ màu đỏ nhãn hiệu FPT có 02 số sim là 01287692234 và 01672400793.

4. Về án phí HSST: Xử buộc bị cáo Nguyễn N bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng y) án phí HSST.

5. Kiến nghị: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng rút hồ sơ lên để xem xét và làm rõ hành vi đồng phạm của Lê Thị V để có hướng xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12.11.2018).

Người bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Mai Hùng